

Bản án số: 70/2020/HS-ST
Ngày 29-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Đặng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh AB - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. TNT, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1969 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 3/32 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và bà E; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số: 53/2010/HSST ngày 21-5-2010 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt TNT 45 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích); Bản án số: 92/2016/HSST ngày 24-6-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt TNT 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích); nhân thân: Bản án số: 185/1987/HSST ngày 10-07-1987 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt TNT 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân (đã được xóa án tích); Bản án số: 995/1991/HSPT ngày 30-7-1991 của Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm xử phạt TNT 06 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân (đã được xóa án tích); Bản án số: 14/1996/HSST ngày 10-02-1996 của Tòa án nhân

dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt TNT 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); Bản án số: 442/10997/HSST ngày 19-11-1997 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt TNT 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân (đã được xóa án tích); Bản án số: 58/2006/HSST ngày 27-10-2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt TNT 44 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); tạm giữ ngày 29-5-2020; tạm giam ngày 03-6-2020; có mặt.

2. NDN, sinh ngày 31 tháng 8 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 2/21/17 F, phường G, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H (đã chết) và bà I; có vợ là J và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số: 197/2012/HSST ngày 29-11-2012 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt NDN 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng (đã được xóa án tích); tạm giữ ngày 29-5-2020; tạm giam ngày 03-6-2020; có mặt.

3. HVN, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1987 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Tổ 20 K, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 10/152 M, phường N, quận O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P và bà Q; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số: 66/2008/HSST ngày 12-6-2008 của Tòa án nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Bản án số: 142/HSPT ngày 05-8-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt HVN 24 tháng tù về tội Đánh bạc (chưa được xóa án tích), Bản án số: 69/2012/HSST ngày 17-5-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Bản án số: 107/HSPT ngày 15-8-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt HVN 42 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc (chưa được xóa án tích); nhân thân: Bản án số: 38/2005/HSST ngày 04-5-2005 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt HVN 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); tạm giữ ngày 29-5-2020; tạm giam ngày 03-6-2020; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị BH1, sinh năm 1978; trú tại: Số 11/17 F, phường G, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh BH2, sinh năm 1976; trú tại: Số 11/17 F, phường G, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh BH3, sinh năm 2000; ĐKHKTT: Xã R, huyện S, tỉnh Bắc Kạn; trú tại: Số 18/17 F, phường G, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh BH4, sinh năm 2001; ĐKHKTT: Xã T, huyện S, tỉnh Bắc Kạn; trú tại: Số 18/17 F, phường G, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh NLQ1, sinh năm 1990; trú tại: Thôn U, xã V, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh NLQ2, sinh năm 1979; trú tại: Số 40 Tổ 10 W, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông NLC; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

X sinh sống ở cùng ngõ với xưởng làm bánh phở của chị BH1. X quan sát và biết các công nhân trong xưởng làm bánh phở thường treo chìa khóa cửa ở cổng ra vào của xưởng. Khoảng 22 giờ ngày 26-5-2020 X rủ TNT và NDN trộm cắp tài sản trong xưởng làm bánh phở thì được cả 02 đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27-5-2020, X lấy được chùm chìa khóa treo trên mũi giáo cổng sắt đưa cho TNT để TNT mở cửa và đột nhập vào bên trong xưởng; còn X và NDN đứng ngoài canh giới. TNT nhìn thấy có chiếc 03 xe mô tô Honda Wave có Biển kiểm soát 15B3-505.12, 16M8-5641, 16P1-1069 đang dựng trong nhà, đầu xe hướng vào trong, đuôi xe hướng về phía cửa cổng. TNT đi vào dắt xe mô tô Biển kiểm soát 15B3-505.12 ra ngoài đưa cho NDN. NDN dắt xe đi bộ được khoảng 20m về hướng đầu ngõ 17 F thì dùng chìa khóa có sẵn trong ổ khóa nổ máy đi đến gửi xe tại bãi gửi xe của Bệnh viện Y và đi về nhà ngủ. Sau khi đưa xe cho NDN, TNT tiếp tục quay vào trong xưởng làm bánh phở lấy 01 túi giả da tối màu trong có 60.000 đồng treo ở xe rồi dắt xe mô tô Biển kiểm soát 16M8-5641 ra ngoài cửa đi bộ về hướng chân Cầu Z rồi dùng chìa khóa có sẵn trong ổ khóa nổ máy đi đến gửi xe tại bãi gửi xe của Bệnh viện Y, còn X vẫn ở khu vực trước cửa xưởng để trông coi. Sau đó TNT quay lại, vào trong xưởng lấy 01 túi giả da tối màu bên trong có 250.000 đồng treo ở xe rồi dắt xe mô tô Biển kiểm soát 16P1-1069 ra ngoài nổ máy đi sang khu vực ngõ AA. Tại đây, TNT gặp AB, TNT kể cho AB biết việc mình trộm cắp tài sản và rủ AB đến bãi gửi xe Bệnh viện Y lấy xe mang đi cầm cố. Cả hai cầm cố xe tại cửa hàng mua bán xe máy AC, địa chỉ: xã V, huyện AD, thành phố Hải Phòng do anh NLQ1 làm chủ được 4.000.000 đồng. Khi cầm cố xe TNT và AB không nói cho anh NLQ1 biết đây là tài sản trộm cắp mà có. TNT chia cho AB 600.000 đồng sau đó cả hai đi xe ôm về ngã tư An Dương rồi chia tay nhau.

Khoảng 09 giờ ngày 27-5-2020 NDN liên lạc với 01 người bạn xã hội tên là AE, nhờ AE chở đến nhà trọ của HVN. NDN kể cho HVN biết việc mình trộm cắp tài sản và rủ HVN cùng đi bán xe. Sau đó AE điều khiển xe chở NDN, HVN đến bãi gửi xe Bệnh viện Y để lấy xe. AE chở NDN còn HVN một mình điều khiển xe

mô tô trộm cắp được đến bán cho anh NLQ2 được 2.500.000 đồng. NDN chia cho HVN 300.000 đồng. NDN, HVN không nói cho AE biết nguồn gốc chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 15B3-505.12 do NDN trộm cắp mà có. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày HVN quay lại nhà anh NLQ2 tháo Biển kiểm soát 15B3-505.12 mang về phòng trọ.

Ngày 27-5-2020 chị BH1 đến Công an phường Trại Chuối trình báo về việc mất tài sản. Ngày 28-5-2020 TNT, NDN, X, HVN đến Công an phường Trại Chuối đầu thú. TNT giao nộp số tiền 520.000 đồng, HVN giao nộp 01 Biển kiểm soát 15B3-505.12 và đã tác động gia đình tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 300.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 29-5-2020, kết luận: 01 xe máy Honda Wave Biển kiểm soát 15 B3-505.12 có giá 17.000.000 đồng, 01 xe máy Honda Wave Biển kiểm soát 16 M8-5641 có giá 7.000.000 đồng, 01 xe máy Honda Wave Biển kiểm soát 16 P1-1069 có giá 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 31.000.000 đồng. Hai túi đeo chéo không nhãn hiệu, đã qua sử dụng không định giá được.

Tại Cáo trạng số: 64/CT-VKS ngày 16-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo TNT về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173, NDN về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173, HVN về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, TNT và NDN khai nhận: Khi TNT quay lại xưởng làm bánh phở thực hiện hành vi trộm cắp 02 chiếc xe mô tô còn lại có X đứng ngoài cảnh giới; còn NDN lúc đó không có mặt và TNT không nói cho NDN biết nên NDN không biết về hành vi trộm cắp này của TNT.

Tại phiên tòa, bị hại chị BH1 vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra chị BH1 khai: Tài sản chị bị trộm cắp gồm 01 xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 15 B3-505.12 trị giá 17.000.000 đồng, 01 mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 M8-5641 trị giá 7.000.000 đồng và 01 xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 P1-1069 trị giá 7.000.000 đồng. Chị BH1 đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu, đề nghị gì khác về vấn đề bồi thường.

Tại phiên tòa, anh BH3 và anh BH4 vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra anh BH3, anh BH4 khai nhận: Tài sản của anh BH3 bị trộm cắp là 01 túi giả da tối màu trong có 60.000 đồng; tài sản của anh BH4 bị trộm cắp là 01 túi giả da tối màu trong có 250.000 đồng nhưng do giá trị tài sản không lớn nên các anh BH3, BH4 đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh NLQ1 và anh NLQ2 vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra anh NLQ1, anh NLQ2 khai

nhận: Anh NLQ1 đã mua chiếc xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 M8-5641 và xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 P1-1069 của bị cáo TNT với số tiền 4.000.000 đồng; anh NLQ2 đã mua chiếc xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 15B3-505.12 của bị cáo NDN, HVN với số tiền 2.500.000 đồng nhưng các anh NLQ1, NLQ2 đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo TNT mức án từ 48 tháng đến 54 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NDN mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo HVN mức án từ 42 tháng đến 48 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 850.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp. Do đó những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đều đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[4] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên, đủ cơ sở xác định: Ngày 27-5-2020, TNT và NDN đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại số nhà 18/17 F, phường G, quận C, thành phố Hải Phòng. Trong đó, bị cáo TNT đã trực tiếp trộm cắp 03 xe mô tô, gồm: 01 mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 15 B3-505.12 trị giá 17.000.000 đồng, 01 mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 M8-5641 trị giá 7.000.000 đồng và 01 xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 P1-1069 trị giá 7.000.000 đồng của chị BH1, số tiền 60.000 đồng trong túi giả da tối màu của anh BH3 và số tiền 250.000 đồng trong túi giả da tối màu của anh BH4. Tài sản bị cáo TNT chiếm đoạt có giá trị là 31.310.000 đồng. Khi bị cáo TNT vào trong xưởng làm bánh phở trộm cắp tài sản thì bị cáo NDN đứng ngoài cảnh giới. Sau khi lấy được xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 15 B3-505.12 TNT đã đưa cho NDN để NDN mang xe đi cất giấu. Như vậy, bị cáo NDN đồng phạm với bị cáo TNT về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 15 B3-505.12 trị giá 17.000.000 đồng. HVN có hành vi tiêu thụ chiếc xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 15 B3-505.12 là tài sản do TNT và NDN phạm tội nhà có. Hành vi của bị cáo TNT và NDN đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo HVN đã cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo TNT đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5.1] Bị cáo NDN không phạm tình tiết định khung nào khác ngoài khung hình phạt bị truy tố nên bị cáo phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo HVN đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Tính chất vụ án là nghiêm trọng đối với bị cáo TNT và bị cáo HVN, ít nghiêm trọng đối với bị cáo NDN nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[7] Xét vai trò đồng phạm của bị cáo TNT và NDN về tội Trộm cắp tài sản: Bị cáo TNT và NDN được X rủ rê cùng trộm cắp tài sản. Sau đó, TNT đã đột nhập vào trong xưởng làm bánh phở trộm cắp tài sản còn NDN đứng ngoài cảnh giới. Sau khi lấy được tài sản TNT đã đưa cho NDN để NDN mang đi cất giấu. Như vậy, đánh giá rằng, bị cáo TNT là người thực hành tích cực còn bị cáo NDN là người thực hành, giúp sức, nên cần đánh giá vai trò đồng phạm của bị cáo TNT cao hơn bị cáo NDN.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo TNT đã nộp lại số tiền 520.000 đồng, bị cáo HVN đã nộp lại số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có nên cần xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[9.1] Bị cáo TNT đã bảy lần bị kết án trong đó có hai tiền án (như phần căn cứ, lý lịch đã nêu) chưa được xóa án tích, nên cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[9.2] Bị cáo HVN đã ba lần bị kết án trong đó có hai tiền án (như phần căn cứ, lý lịch đã nêu) chưa được xóa án tích, nên cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[10] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thỏa đáng; buộc các bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đảm bảo trừng trị người phạm tội, giáo dục các bị cáo ý thức

tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các bị cáo TNT, NDN còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự, bị cáo HVN còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị BH1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12.1] Anh BH3 bị trộm cắp số tiền 60.000 đồng, anh BH4 bị trộm cắp số tiền 250.000 đồng, anh NLQ1 đã mua chiếc xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 M8-5641 và xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 16 P1-1069 của bị cáo TNT với số tiền 4.000.000 đồng, anh NLQ2 đã mua chiếc xe mô tô Honda Wave Biển kiểm soát 15B3-505.12 của bị cáo NDN, HVN với số tiền 2.500.000 đồng nhưng các anh BH3, BH4, NLQ1, NLQ2 đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự không buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 520.000 đồng thu giữ của bị cáo TNT, số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo HVN là tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

[14] Đối với X: Tại giai đoạn điều tra do X có bệnh án tâm thần tại cộng đồng, thuộc diện được cấp phát thuốc tại Trạm y tế phường Sở Dầu. Ngày 20-7-2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần Trung ương về năng lực hành vi của X nhưng chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 02 ngày 25-8-2020, tách hành vi của X tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

[15] Đối với NLQ1 và NLQ2 khi mua xe mô tô của TNT, NDN và HVN không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do đó không đủ căn cứ để xử lý về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[16] Đối với đối tượng tên AE đi cùng NDN và HVN bán xe, hiện chưa xác định được căn cước, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[17] Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm đối với mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo TNT 48 (Bốn mươi tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29-5-2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo NDN 18 (Mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29-5-2020.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo HVN 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29-5-2020.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 820.000 (Tám trăm hai mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 7674 ngày 28-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV06, PC10);
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Bị cáo;
- Bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: HS, VT.

Đinh Hữu Hường